

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
**PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGỌT HÓA (BẮC SÔNG ÔNG ĐỐC,
NAM SÔNG BIỆN NHỊ) TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**
*(kèm theo Quyết định số 02332/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**PHẦN I
MỞ ĐẦU**

I. SỰ CẦN THIẾT

- Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp và thủy sản của cả nước, giữ vai trò chiến lược trong bảo đảm an ninh lương thực và đóng góp quan trọng vào xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Với 54,5% diện tích gieo trồng và 55,9% sản lượng lúa toàn quốc, ĐBSCL được ví như "vựa lúa" quốc gia và khu vực Đông Nam Á (Phan Thị Tường Vi và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, vùng đất trù phú này đang phải đối mặt với những thách thức to lớn và ngày càng gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), bao gồm nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán, sụt lún đất và suy giảm dòng chảy sông Mekong. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019), đến năm 2100, nếu mực nước biển dâng 100 cm, có tới 38,9% diện tích ĐBSCL sẽ bị ngập. Các nghiên cứu của MRC và Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam cũng chỉ ra xu thế sụt lún đất 1,1 - 2,5 cm/năm tại nhiều nơi trong vùng.

- Tỉnh Cà Mau mặc dù là tỉnh dẫn đầu sản xuất thủy sản nước lợ nhưng vẫn xem canh tác lúa giữ vai trò quan trọng trong an ninh lương thực và phát triển sinh kế bền vững trong vùng ngọt hóa. Sau hợp nhất hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, toàn tỉnh Cà Mau mới có diện tích sản xuất lúa khoảng 314.982 ha, trong đó lúa Hè Thu khoảng 94.142 ha, lúa Đông Xuân khoảng 93.469 ha, lúa Thu Đông 34.035 ha, lúa tằm khoảng 90.266 ha và lúa mùa khoảng 3.070 ha, sản lượng ước đạt 1.864.000 tấn/năm. Bên cạnh canh tác lúa, tận dụng diện tích bờ bao, các mô hình trồng cây ăn trái như chuối, dừa,... và trồng rau màu góp phần mang lại thu nhập cho người dân. Riêng khu vực sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Cà Mau cũ, trước đây (vùng Bắc sông Ông Đốc, Nam sông Biện Nhị) đã, đang phát triển sản xuất các mô hình sản xuất nông nghiệp bên cạnh cây lúa như chuối (2.000 ha), dừa (3.000 ha), cây ăn trái khác (200 ha), rau màu (3.000 ha),... Diện tích đất lúa tập trung chủ yếu ở các xã Khánh Bình, Trần Văn Thời, Đá Bạc, Khánh Hưng, Khánh Lâm, ... với tổng diện tích khoảng 38.343 ha, diện tích gieo trồng khoảng 72.500 ha và sản lượng lúa đạt gần 420.610 tấn. Sau hợp nhất, tỉnh Cà Mau mới thừa hưởng

thêm hệ thống thủy lợi của Bạc Liêu cũ, bao gồm các loại công trình chủ yếu như kênh đất tự nhiên, ô đê bao, bờ bao, cống và trạm bơm. Cụ thể, công trình kênh có khoảng 3.420 tuyến, chiều dài hơn 14.000 km, 371 cống lớn nhỏ, 84 trạm bơm điện, 43 ô đê bao phục vụ sản xuất lúa; Trong các năm gần đây, để chủ động điều tiết nước, kiểm soát mặn, giữ ngọt cho vùng trồng lúa, màu ổn định trên địa bàn tỉnh đã đầu tư được: 297 cống (trong đó có 24 cống dọc quốc lộ 1A, 59 cống phân ranh mặn ngọt Nam Quản Lộ - Phụng Hiệp), 84 trạm bơm điện và nạo vét hơn 8.000 km kênh, 93 tuyến đê bao, bờ bao đã được xây dựng với tổng chiều dài 714.540 km (chống tràn triệt để 373.500 km, chống tràn thời vụ 331.400 km). Các công trình thủy lợi cơ bản phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, kiểm soát mặn, cấp nước và hạn chế ảnh hưởng biến đổi khí hậu. Hệ thống này có khả năng tiêu thoát nước cho khoảng 60% diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây dưới tác động của BĐKH, sản xuất lúa nói riêng, sản xuất nông nghiệp nói chung một số vùng các xã Khánh Bình, Trần Văn Thời, Đá Bạc, Khánh Hưng, Khánh Lâm đang gặp nhiều khó khăn cụ thể: Thứ nhất, sụt lún thường xảy ra trong mùa khô trong các năm hạn mặn nghiêm trọng do mực thủy cấp xuống thấp, sa cấu đất mềm dễ sụt lún, làm hư hại hạ tầng KTXH. Thứ hai, thiếu nước ngọt cuối vụ lúa mùa khô hay ngập úng vào mùa mưa gây thiệt hại đến sản xuất vào các năm mưa nhiều do cao độ địa hình khác nhau, chưa chủ động quản lý nước do hệ thống thủy lợi (ô thủy lợi, bờ bao, cống, trạm bơm,...) thiếu vùng trữ nước ngọt, và các tính toán cân bằng nước để giảm sụt lún vào mùa khô. Thứ ba, canh tác lúa và các mô hình nông nghiệp khác theo kiểu truyền thống, thiếu liên kết chuỗi, chưa được sự hỗ trợ của hệ thống thủy lợi đồng bộ và các mô hình canh tác tiên tiến, bền vững (sản xuất quy chuẩn chất lượng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải).

- Việc xây dựng **Đề án phát triển sản xuất vùng ngọt hóa (Bắc sông Ông Đốc, Nam sông Biện Nhị) giai đoạn 2026 - 2030** là cần thiết nhằm giải quyết tình trạng sụt lún và hạn mặn gia tăng do mực thủy cấp hạ thấp; khắc phục thiếu nước ngọt mùa khô và ngập úng mùa mưa do hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, thiếu vùng trữ nước; đồng thời đổi mới phương thức canh tác, tăng cường liên kết chuỗi và ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, bền vững.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.
- Luật Trồng trọt năm 2018.
- Luật Đất đai năm 2024.
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

- Nghị định số 37/2019/NĐ - CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Nghị định số 58/2023/NĐ - CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 112/2024/NĐ - CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Nghị định số 83/2018/NĐ - CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

- Nghị quyết số 120/NQ - CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với Biến đổi khí hậu (BĐKH).

- Quyết định số 150/QĐ - TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 255/QĐ - TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1490/QĐ - TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc - ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030".

- Quyết định số 287/QĐ - TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 174/QĐ - TTg ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 2370/QĐ - TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1386/QĐ - TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chương trình số 28 - CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2461/QĐ - UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 11/2024/NQ - HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định nguyên tắc, phạm vi, việc sử dụng kinh phí và định mức hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Nghị quyết số 01/NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Phạm vi thực hiện đề án trên địa bàn các xã Trần Văn Thời; Khánh Hưng; Khánh Bình; Đá Bạc; Khánh Lâm.

- Đối tượng: Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất trên địa bàn thực hiện đề án và các doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

PHẦN II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển vùng ngọt hóa (Bắc sông Ông Đốc, Nam sông Biện Nhị) theo hướng ổn định, bền vững; bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và nguồn lực thủy lợi; chuyển đổi phương thức sản xuất phù hợp điều kiện ngọt hóa; gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp thông qua áp dụng khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất theo chuỗi và nâng cao khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi phục vụ ngọt hóa, bảo đảm cấp - trữ - điều tiết nước ổn định cho toàn vùng, giảm thiểu tình trạng thiếu nước mùa khô và ngập úng mùa mưa.

- Tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với điều kiện từng địa bàn xã, bố trí ổn định hiện trạng sản xuất, chuyển đổi mô hình sản xuất đối với những khu vực khó khăn, trong đó ít nhất 30 - 40% diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang sản xuất với các mô hình linh hoạt hơn đến năm 2030.

- Phát triển các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ, hình thành tối thiểu một số chuỗi giá trị chủ lực của vùng; nâng tỷ lệ sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Nâng cao thu nhập của người dân trong vùng; đảm bảo hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định sinh kế trước biến đổi khí hậu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phần công trình

- Hạ tầng thủy lợi, được quan tâm, đầu tư đưa vào hoạt động đã mang lại nhiều kết quả khả quan, phục vụ nhu cầu sản xuất cho người dân, từng bước đáp ứng được yêu cầu kiểm soát nguồn nước, chống ngập úng khi có mưa lớn, chủ động điều chuyển nước tháo rửa phèn,... đã giải quyết được việc điều tiết nước trong sản xuất tại địa phương trước diễn biến của thời tiết bất thường, nhiễm phèn, thường xuyên thiếu nước vào cuối vụ. Tính đến cuối năm 2025, khu vực thực hiện đề án nhà nước đã đầu tư xây dựng hệ thống ô Thủy lợi Khánh Hội, thuộc xã Khánh An (810ha) và ô thủy lợi ấp 4, ấp 5, Trần Hợi, xã Đá Bạc (500ha), dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động trong năm 2025. Mặc dù khu vực ngọt hóa này cơ bản đã được đầu tư khép hoàn chỉnh hệ thống đê bao ngoài và hệ thống cống ngăn mặn chống tràn, tiêu úng trên đê. Tuy nhiên, hàng năm cứ vào mùa mưa, nhất là vào đầu vụ lúa Hè Thu và đầu vụ lúa Đông Xuân, sản xuất của nhân dân gặp nhiều khó khăn do trong vùng thường bị ngập úng, thiệt hại đến sản xuất, mức độ thiệt hại tùy thuộc vào lượng mưa hàng năm. Địa hình khu vực không bằng phẳng, có vùng cao gò, vùng trũng thấp nhưng đến nay việc xác định phân chia tiểu vùng cho phù hợp với điều kiện địa hình, điều kiện sản xuất phần lớn vẫn chưa được quy hoạch đầu tư. Các ô thủy lợi đã được đầu tư khép kín hệ thống cống, bờ bao chưa được đầu tư hệ thống trạm bơm tương thích nên việc điều tiết nước gặp rất nhiều khó khăn, tình trạng ngập úng gây thiệt hại lúa và hoa màu khi có lượng mưa lớn kéo dài.

- Qua rà soát giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thực hiện đề án có nhu cầu rất lớn để đầu tư xây dựng các ô thủy lợi khép kín để tăng cường khả năng kiểm soát nguồn nước nhằm bảo vệ và ổn định sản xuất trong vùng, trong đó ưu tiên đầu tư 05 ô thủy lợi cụ thể như sau: (i) ô thủy lợi vùng trấp, xã Khánh Bình - xã Trần Văn Thời (4.400ha); (ii) ô thủy lợi xã Khánh Hưng (9.130ha); (iii) Đầu tư hoàn thiện ô thủy lợi xã Khánh Lâm (810ha); (iv) ô thủy lợi Kinh Tám, Kinh Hòn, Thời Hưng, một phần Đá Bạc, một phần Đá Bạc B, xã Đá Bạc (2.100ha), (v) Ô Thủy lợi Sào Lưới A, Kinh Hòn Bắc, một phần Sào Lưới B, một phần Đá Bạc, Đá Bạc B, xã Đá Bạc (1.400ha). Kinh phí dự kiến khoảng 290.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn và khả năng lồng ghép: Ô thủy lợi xã Khánh Hưng (9.130ha), Đầu tư hoàn thiện ô thủy lợi xã Khánh Lâm (810ha), ô thủy lợi Kinh Tám, Kinh Hòn, Thời Hưng, một phần Đá Bạc, một phần Đá Bạc B thuộc xã Đá Bạc (2.100ha) hiện nay tỉnh đang đề xuất đưa vào Dự án quản lý tổng hợp vùng ven biển ĐBSCL, giai đoạn II do Bộ Nông nghiệp và Môi trường làm chủ quản đầu tư. tổng kinh phí dự kiến khoảng 152.250 triệu đồng, thực hiện trong năm 2026.

- Dự kiến nguồn vốn địa phương: Ô thủy lợi vùng trấp, xã Khánh Bình - xã Trần Văn Thời (4.400ha); ô thủy lợi Sào Lưới (1.400ha), tổng kinh phí dự kiến khoảng 137.750 triệu đồng, thực hiện trong năm 2026 - 2027.

2. Phần phi công trình

2.1. Tổ chức sản xuất

- Rà soát đánh giá hiện trạng sản xuất từng vùng, tiểu vùng trên địa bàn các xã trong vùng đề án, qua đó đề xuất giải pháp sản xuất trước mắt và lâu dài (điều chỉnh cơ cấu giống lúa, lịch mùa vụ phù hợp với diễn biến khí hậu, thời tiết và từng địa phương trong vùng đề án).

- Chuyển đổi vùng sản xuất lúa kém hiệu quả sang sản xuất với mô hình linh hoạt hơn (lúa - cá, lúa - tôm càng xanh, lúa - vịt, lúa - màu...).

- Hình thành được các chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của vùng.

- Xây dựng Ban quản lý các tiểu vùng để điều tiết nước phù hợp theo điều kiện, diễn biến khí hậu nhằm tối ưu hoá việc quản lý, vận hành hệ thống nước trong mùa mưa và mùa khô.

2.2. Xây dựng mô hình

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030 trong đó, xác định cây lúa nước là sản phẩm chủ lực, với các loại hình sản xuất chuyên canh, xen canh và luân canh.

- Định hướng phát triển mô hình chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; Mô hình luân canh, xen canh đa giá trị (lúa - rau màu; lúa - cá;...) thích ứng với điều kiện mỗi địa phương.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của đề án, cần có các giải pháp thực hiện được xây dựng theo hướng đồng bộ, khả thi, nhằm huy động hiệu quả nguồn lực và hoàn thiện cơ chế hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp vùng. Trọng tâm là hoàn thiện chính sách vốn và khuyến khích liên kết; bố trí, huy động tổng kinh phí 438.000 triệu đồng cho giai đoạn 2026 - 2030; triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, tổ chức thực hiện đề án; đồng thời đẩy mạnh liên kết sản xuất với doanh nghiệp, THT, HTX, hình thành vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực thích ứng biến đổi khí hậu, cần triển khai các giải pháp cơ bản như sau:

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Chính sách hỗ trợ vốn, lãi suất cho nông dân, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất sạch, công nghệ cao.

- Chính sách khuyến khích liên kết sản xuất.

2. Giải pháp về vốn và đầu tư

- Tổng kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 (dự kiến): 438.000 triệu đồng (số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

- Phân chia nguồn vốn: Vốn Trung ương 164.000 triệu đồng, vốn địa phương 164.000 triệu đồng, vốn khác (dự kiến nguồn vốn từ Ban CPO) 110.000 triệu đồng.

3. Giải pháp kỹ thuật, triển khai đề án

- Huy động nguồn lực tại chỗ, phân công bộ phận chuyên môn lĩnh vực chuyên ngành về thủy lợi, trồng trọt khảo sát, đánh giá các vùng thực hiện đề án đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm triển khai các nhiệm vụ của đề án.

- Mời gọi các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư, xây dựng các hệ thống tiêu vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, giúp người dân thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Vận động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, tham gia thực hiện các nhiệm vụ của đề án trong quá trình xây dựng các tiêu vùng.

- Thuê, mượn các tổ chức, chuyên gia có kinh nghiệm trong việc điều tra, đánh giá chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi để thực hiện các nhiệm vụ của đề án.

4. Giải pháp liên kết, phát triển sản xuất

Tăng cường thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết với các tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng cao, sản xuất theo đơn đặt hàng, hình thành các chuỗi giá trị chủ lực (lúa gạo, rau màu, thủy sản...), phát triển chế biến sâu - bảo quản nông sản, đồng thời hỗ trợ xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực của vùng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan Thường trực)

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì triển khai và giám sát toàn bộ tiến độ thực hiện đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo triển khai đề án. Tham mưu kiểm soát tác động môi trường trong sản xuất, nuôi trồng, chế biến nông sản.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển vùng ngọt hóa phù hợp với điều kiện từng địa phương; hướng dẫn lập quy hoạch sử dụng đất, trữ nước, cải thiện hệ thống thủy lợi. Chỉ đạo thực hiện sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết phát triển chuỗi nông sản.

- Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án, chương trình, kế hoạch từ các đơn vị; phối hợp với Sở Tài chính cân đối, phân bổ nguồn kinh phí.

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết đề án.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối kinh phí từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho đề án theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm soát việc sử dụng vốn đầu tư, vốn vay và nguồn hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nông dân.

- Kiểm tra, giám sát giải ngân vốn và báo cáo tiến độ thực hiện kinh phí.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thu hút doanh nghiệp, đầu tư vào vùng ngọt hóa.

- Phối hợp hỗ trợ xây dựng các dự án, kế hoạch đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản.

- Tổng hợp, thẩm định các dự án đầu tư từ doanh nghiệp, HTX, THT.

3. Sở Công Thương

Tham mưu triển khai các giải pháp chế biến sâu, bảo quản nông sản, xúc tiến thương mại.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực.

5. Sở Xây dựng

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện hạ tầng giao thông kết nối vùng sản xuất, vận chuyển nguyên liệu nông sản từ các vùng ngọt hóa đến các điểm chế biến, tiêu thụ.

6. Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Tham gia tuyên truyền, vận động nông dân tham gia các mô hình liên kết sản xuất.

- Giám sát quá trình triển khai dự án, bảo đảm quyền lợi của người dân.

- Hỗ trợ tổng hợp ý kiến phản hồi từ cộng đồng, báo cáo UBND các cấp.

7. Ủy ban nhân dân các xã trong vùng đề án

- Triển khai thực hiện các nội dung đề án trên địa bàn xã.

- Tổ chức rà soát, lựa chọn các hộ nông dân, THT, HTX tham gia mô hình sản xuất.

- Hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ người dân áp dụng mô hình canh tác, liên kết sản xuất theo chuỗi.

- Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Tuỳ vào điều kiện, diễn biến của thời tiết, BĐKH ngày càng khó lường như hiện nay, các nhiệm vụ trong đề án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với từng vùng, địa phương trong đề án, đảm bảo đúng theo mục tiêu của đề án đề ra theo quy định./.

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(kèm theo Đề án phát triển sản xuất vùng ngọt hóa (Bắc sông Ông Đốc, Nam sông Biện Nhì) tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư	Trong đó cơ cấu nguồn vốn			Ghi chú (khác)
			TW	Địa phương	Khác	
	Tổng cộng (I+II)	438.000	164.000	164.000	110.000	
I	Nhiệm vụ về công trình (đầu tư các ô thủy lợi)	400.000	143.000	155.000	102.000	
1	Ô Thủy lợi Khánh Hội , xã Khánh Lâm (810ha)	0				Đã thực hiện năm 2025
2	Ô Thủy lợi ấp 4, ấp 5, Trần Hợi, xã Đá Bạc (500ha)	0				Đã thực hiện năm 2025
3	Ô thủy lợi vùng trấp, xã Khánh Bình - xã Trần Văn Thời (4.400ha)	66.000		66.000		
4	Ô Thủy lợi xã Khánh Hưng (9130ha)	36.000			36.000	CPO
5	Đầu tư hoàn thiện Ô Thủy lợi xã Khánh Lâm (810ha)	28.000			28.000	CPO
6	Ô Thủy lợi Kinh Tám, Kinh Hòn, Thời Hưng, một phần Đá Bạc, một phần Đá Bạc B, xã Đá Bạc (2.100ha)	88.250	50.250		38.000	
7	Ô Thủy lợi Sào Lưới A, Kinh Hòn Bắc, một phần Sào Lưới B, một phần Đá Bạc, Đá Bạc B, xã Đá Bạc (1.400ha)	71.750	22.750	49.000		
8	Dự phòng đầu tư mới hoặc duy tu, sửa chữa, nâng cấp 01 - 05 ô thủy lợi phát sinh trong vùng thực hiện đề án giai đoạn 2026 - 2030 do tác động tiêu cực của thời tiết, thích ứng BĐKH, tổng quy mô diện tích dự kiến 5.000 ha	110.000	70.000	40.000		
II	Nhiệm vụ về phi công trình (tổ chức sản xuất và xây dựng mô hình)	38.000	21.000	9.000	8.000	CPO

Phụ lục II**Bảng Phân kỳ kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030**

(kèm theo Đề án phát triển sản xuất vùng ngọt hóa (Bắc sông Ông Đốc, Nam sông Biện Nhị) tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Phân kỳ giai đoạn	2026	2027	2028	2029	2030	Giai đoạn 2026-2030
	Tổng cộng	162.250	147.750	46.000	46.000	36.000	438.000
1	Nhiệm vụ về công trình (đầu tư các ô thuỷ lợi)	152.250	137.750	40.000	40.000	30.000	400.000
2	Nhiệm vụ về phi công trình (tổ chức sản xuất và xây dựng mô hình)	10.000	10.000	6.000	6.000	6.000	38.000